

## KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

### QUYỂN 569

#### Phẩm 6: PHÁP TÁNH

Bấy giờ Tối Thắng rời tòa đứng dậy, lệch áo che vai trái, gối phải chầm đất, chắp tay cung kính Phật:

–Bạch Thế Tôn, thật là hy hữu Đức Thế Tôn đã khéo thuyết đại oai thần và công đức vi diệu của chư Phật. Chư Phật Như Lai nhờ đâu mà đắc đại oai thần công đức vi diệu này? Nguyên Thế Tôn phân biệt giải nói.

Phật bảo Tối Thắng:

–Thiên vương nên biết, chỗ hành của Như Lai và quả đạt được thật là thậm thâm vi diệu, không thể nghĩ bàn.

Tối Thắng bạch Phật:

–Phật hành pháp gì mà gọi là thậm thâm vi diệu không thể nghĩ bàn?

Phật dạy:

–Nhân quả pháp tánh Như Lai thậm thâm vi diệu không thể nghĩ bàn. Oai thần công đức và pháp nói ra của Như Lai làm lợi lạc cho mọi người cũng lại như vậy.

Tối Thắng lại thưa:

–Bạch Thế Tôn, tại sao lại nói là pháp tánh thậm thâm vi diệu, không thể nghĩ bàn?

Phật dạy:

–Này Thiên vương, pháp tánh của Như Lai ở trong uẩn, xứ, giới của loài hữu tình từ vô thủy đến nay nối tiếp nhau không nhiễm phiền não, bản tánh thanh tịnh. Tất cả tâm, ý thức không thể duyên khởi, tất cả tâm tứ... khác không thể phân biệt, tu duy và tà niệm không thể nghĩ tới, xa lìa tà niệm, vô minh chẳng sinh. Do đó, không mười hai duyên khởi nên nói là vô tướng, không phải là pháp được làm ra, không sinh, không diệt, vô tận, vô biên, tự tướng thường trú. Thiên vương nên biết, các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa biết được pháp tánh thanh tịnh như vậy nên không nhiễm trước, không dính mắc, xa lìa cấu uế, từ các phiền não mà vượt lên sự giải thoát. Tánh này là gốc của Phật pháp, nhân đây mà sinh phước đức, trí tuệ, bản tánh minh tịnh không thể nghĩ bàn.

Này Thiên vương, Ta sẽ nói ví dụ, ông nên lắng nghe và khéo nhớ nghĩ.

Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, cúi xin Ngài giảng nói cho.

Phật bảo Tối Thắng:

–Thiên vương nên biết, ví như bảo châu vô giá là vật trang sức sáng rỡ trong sạch, đáng yêu. Thế chất của nó rất là trong suốt không có vẩn đục, dù có rơi xuống đất bùn trong một thời gian dài. Người nhặt được nó, vui mừng giữ lấy, cất đặt cẩn thận không cho rơi mất. Cũng vậy, pháp tánh tuy ở trong phiền não nhưng không bị nhiễm, về sau lại hiển hiện.

Này Thiên vương, chư Phật đều biết bản tánh hữu tình rất thanh tịnh nhưng bị

khách trần phiền não che lấp nên chẳng thể ngộ nhập được. Do đó Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa nên có suy nghĩ thế này: “Ta cần tinh tấn nói nghĩa Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa cho các hữu tình để diệt trừ phiền não, được ngộ nhập. Bản tánh tất cả hữu tình đều thanh tịnh, phải tôn kính chứ không nên khinh suất, phải như pháp cúng dường đồng với Đức Đại Sư.” Các Bồ-tát này do nghĩ như vậy nên liền có thể phát sinh Bát-nhã đại Bi. Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như vậy tức có thể chứng nhập địa vị không thoái chuyển. Các Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa nghĩ như thế này: Lực của các phiền não này không có chủ thể, tự thể hư vọng ngược với pháp thanh tịnh. Vì sao vậy? Vì các phiền não này ngược với trí Nhất thiết, thuận với sinh tử. Pháp tánh thanh tịnh là căn bản của các pháp, tự tánh vốn không. Các phiền não hư vọng đều do tà niệm sinh ra.

Thiên vương nên biết, ví như bốn đại nương vào hư không để lập mà hư không không có chỗ nương nên phiền não cũng vậy. Bốn đại nương vào pháp tánh, pháp tánh không có chỗ nương. Các Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa quán biết rõ như thật nên không khởi trái nghịch, vì tùy thuận nên phiền não không sinh. Các Bồ-tát quán sát phiền não nên không sinh nhiễm trước, nghĩa là nghĩ như vậy: “Nếu mình nhiễm trước thì làm sao nói pháp cho người khác xuất ly.” Cho nên Bồ-tát đoạn diệt tâm nhiễm trước, thuyết giảng pháp như thật để mở sự trói buộc cho hữu tình. Các Bồ-tát suy nghĩ: “Nếu trong sinh tử có một phiền não làm lợi lạc cho hữu tình thì ta sẽ nắm giữ nó, nhưng việc ấy không có nên cần phải đoạn diệt phiền não.” Các Bồ-tát lại nghĩ: “Xưa kia, chư Phật hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa diệt các phiền não, ngày nay ta cũng như vậy.” Vì sao? Vì ngày xưa, chư Phật ở địa vị Bồ-tát cũng học như vậy để chứng Bồ-đề. Các Bồ-tát do hai nhân duyên này dùng phương tiện thiện xảo quán biết các pháp tánh. Pháp tánh như vậy vô lượng, vô biên, vì các phiền não che lấp, nên tùy thuận theo dòng sinh tử, chìm ngập trong sáu đường, luân hồi trong đêm dài tùy thuận hữu tình nên gọi là hữu tình tánh.

Thiên vương nên biết, các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa khởi tâm nhằm chán trừ năm cảnh dục, diệt các sự phân biệt để tu đạo vô thượng. Lúc ấy, tánh này được gọi là xa lìa, vượt tất cả khổ nên gọi là vắng lặng, là pháp cứu cánh mà thế gian mong cầu. Nhất thiết chủng trí thường trụ nhiệm mầu, nhờ pháp tánh này mà được tự tại, thọ nhận ngôi Pháp vương.

Thiên vương nên biết, các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, quán sát giai đoạn trước, giữa và sau pháp tánh đều bình đẳng, xưa nay vắng lặng, chẳng bị các pháp làm chướng ngại, giống như hư không không bị sắc ngại. Các Bồ-tát này hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa quán biết như thật những lời Phật dạy, như pháp tu hành tất cả diệu hạnh, công đức pháp tánh không thể nói hết, tướng không có hai, cảnh bình đẳng, tất cả, tâm tứ không hoạt động. Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, như thế có thể trừ được hai tướng: Ngã tướng và Pháp tướng. Tất cả phàm phu bị sự chấp trước ràng buộc, không hiểu, không thấy, không rõ pháp tánh. Các Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, thì có thể thông đạt pháp tánh như vậy. Ở chỗ hữu tình không hai, không khác. Vì sao? Vì chân như của các pháp không có tướng sai khác.

Thiên vương nên biết, các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, nương vào pháp tánh này để tu tập căn lành, ra vào ba cõi làm lợi ích cho hữu tình, tuy hiện vô thường mà chẳng chân thật. Vì sao? Vì các Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thật quán biết chân pháp tánh nên đầy đủ phương tiện đại Bi, nguyện lực chẳng bỏ

hữu tình. Nhị thừa phàm phu vì không có đại Bi nguyện lực như vậy nên không thấy pháp tánh viên mãn thanh tịnh, không thể như thật lợi ích chúng sinh.

Thiên vương nên biết, các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa có thể quán sát pháp tánh chân tịnh như thế, tất cả Thánh giả ngộ nhập như thật, không có người tu và pháp để tu, không có người thực hành và pháp để thực hành, không tâm và tâm sở, không nghiệp, không quả Dị thực, không khổ, không vui. Người quán sát như thế gọi là đắc pháp bình đẳng, xa lìa không khác, tùy thuận rộng lớn không ngã và ngã sở, không cao, không thấp, chân thật vô tận, minh tịnh thường trú. Vì sao? Vì tất cả Thánh pháp do đây mà được thành thực, nhờ tánh này nên các bậc Thánh hiển hiện, vô biên công đức và pháp bất cộng của chư Phật Như Lai đều từ tánh này sinh ra. Giới, định, tuệ của tất cả Thánh giả đều từ tánh này sinh ra. Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa của các Bồ-tát, chư Phật đều từ tánh này sinh ra. Tánh này vắng lặng vượt các danh tướng. Tánh này chân thật, xa lìa điên đảo. Tánh này không biến đổi nên gọi là chân như. Đó là cảnh thắng trí nên gọi là thắng nghĩa, chẳng có, chẳng không, chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng phải sinh tử, chẳng phải Niết-bàn, chẳng nhiễm, chẳng tịnh, lìa một, lìa khác, vô tướng, vô danh.

Thiên vương nên biết, các Bồ-tát này suy nghĩ: Pháp tánh lìa tướng, các pháp lìa tướng, không hai, không khác. Vì sao? Vì các pháp lìa tướng tức pháp tánh lìa tướng. Pháp tánh lìa tướng tức hữu tình lìa tướng. Hữu tình lìa tướng tức pháp giới lìa tướng. Pháp giới lìa tướng tức chư pháp lìa tướng. Lìa tướng như thế tìm không thể được.

Chân như pháp tánh, chân như hữu tình không hai không khác. Chân như pháp tánh, chân như các pháp không hai không khác. Chân như các pháp, chân như chư Phật không hai không khác. Chân như pháp tánh, chân như ba đời không trái nghịch nhau. Chân như quá khứ, chân như vị lai không trái nghịch nhau. Chân như hiện tại không trái nghịch nhau. Chân như hiện tại, chân như quá khứ không trái nghịch nhau. Chân như ba đời tức chân như uẩn, xứ, giới. Chân như uẩn, xứ, giới tức chân như nhiễm tịnh. Chân như nhiễm tịnh tức chân như sinh tử, Niết-bàn. Chân như sinh tử, Niết-bàn tức chân như các pháp.

Thiên vương nên biết, chân như là không khác, không biến đổi, không sinh, không diệt tự tánh chân thật vì không diệt nên gọi là chân như. Thấy biết như thật các pháp không sinh, các pháp tuy có sinh mà chân như chẳng động. Chân như tuy sinh các pháp mà chân như chẳng sinh, đó gọi là pháp nhân, thanh tịnh bất biến như hư không, không gì sánh bằng, không có một pháp nào trong ba cõi có thể sánh bằng, biến khắp thân hữu tình không gì sánh bằng, xưa nay thanh tịnh xa lìa cấu uế, chẳng hề ô nhiễm, tự tánh minh tịnh, tự tánh chẳng sinh, tự tánh chẳng khởi. Tại tâm, ý, thức mà chẳng phải tâm, ý, thức, tánh ấy tức là không, vô tướng, vô nguyện. Khắp cõi hư không khắp chúng hữu tình đều bình đẳng tất cả vô lượng, vô biên không có sai biệt. Không phải sắc, thọ, tưởng, hành, thức; không lìa sắc, thọ, tưởng, hành, thức; không phải địa, thủy, hỏa, phong; không lìa địa, thủy, hỏa, phong; không phải sinh, không lìa sinh; tuy nghịch sinh tử nhưng chẳng thuận Niết-bàn. Mắt không thể thấy, tai không thể nghe, mũi không thể ngửi, lưỡi không thể nếm, thân không thể cảm giác, ý không thể biết; không ở tâm, ý, thức, không rời tâm, ý, thức.

Thiên vương nên biết, đó là pháp tánh. Các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa vì thông suốt pháp tánh này nên tu hành thanh tịnh, thường hiện sắc thân ở thành

ấp, xóm làng, các châu Thiệm-bộ của thế giới ba lần ngàn. Các thân hiện ra không phải sắc, không phải tướng mà hiện ra sắc tướng. Tuy không phải cảnh giới hoạt động của sáu căn mà giáo hóa hữu tình thường không dừng nghỉ vì để nói rằng thân này là vô thường, vô ngã, là khổ, là bất tịnh. Biết các hữu tình có tánh vắng lặng nên thị hiện vô lượng thân hình, dùng phương tiện quyền xảo làm cho họ nhận lãnh sự giáo hóa ấy. Vì biết tất cả thân đều không có tác giả, không có thọ giả như gỗ đá... nên nói hạnh thanh tịnh cho các hữu tình. Các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa thông suốt pháp tánh như thế nên được tự tại, không có đời đổi mà phát sinh sự nghiệp trí tuệ, tự tại trong thân thông thị hiện các hành tướng, an trú tự tại mà thường thị hiện các oai nghi, tự tại hưởng đến trí Nhất thiết, thông suốt tất cả pháp tánh.

Thiên vương nên biết, hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa được tự tại như thế là tướng vô tận. Ở khắp tất cả chỗ không sắc mà hiện sắc, tự tại quán khắp tâm hữu tình thấy tâm tánh như thật, tự tại nhớ nghĩ vô biên, vô số kiếp, nối nhau không dứt, biến hóa tự tại, trụ tướng giải thoát, lậu tận tự tại. Vì hữu tình nên không chứng lậu tận, tự tại ra đời, đó là cảnh Thánh trí, tự tại thâm sâu, hàng Thanh văn, Độc giác không thể so lường được. Vì tự tại kiên cố nên ma không thể phá hoại được, ngôi tòa Bồ-đề thành tựu pháp tối thượng đệ nhất, tự tại tùy thuận chuyển pháp luân vi diệu, tự tại điều phục, giáo hóa tất cả hữu tình, tự tại nhận lãnh ngôi vị là đặc pháp tự tại.

Thiên vương nên biết, các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa thông suốt như thật pháp tánh thâm sâu nên được tự tại như thế, tu tự tại như thế nên được tất cả tinh lực giải thoát Đẳng trì, Đẳng chí không còn lệ thuộc vào ba cõi. Vì sao? Vì xa lìa tất cả phân biệt hư vọng, phiền não ràng buộc, chấp tướng điên đảo. Nếu muốn thọ sinh thì thọ sinh tự tại không còn ràng buộc. Nếu muốn thị hiện diệt độ thì tùy theo sinh xứ của mình để thị hiện diệt độ, giữ gìn Đại thừa và thành thực Phật pháp, ở trong mười phương tìm cầu Phật pháp chắc chắn không thể được. Biết rõ tất cả pháp đều là Phật pháp không thường không đoạn. Vì sao? Vì tìm cầu pháp này không thể được, dùng lý như thật tìm cầu không thể được. Pháp này không thể nói có, nói không, cũng không có danh tướng, vượt cảnh giới này. Nếu lìa danh tướng tức bình đẳng. Nếu pháp bình đẳng thì không chấp trước. Vì không chấp trước nên là pháp chân thật. Nếu chấp chân thật tức là hư vọng. Nếu không chấp trước nên không hư vọng. Vì tâm không bị chấp trước nên vô ngại, vô ngại tức vô chướng, vô chướng tức không tranh. Nếu pháp không tranh tức đồng với hư không, không lệ thuộc vào ba cõi. Đối với tất cả xứ không còn bị lệ thuộc, đó là pháp vô sắc, vô tướng, vô hình. Nếu pháp vô sắc, vô tướng, vô hình nên biết pháp ấy tùy theo cảnh giới kia nhưng lìa sự biết và đối tượng để biết. Vì sao? Vì trong ấy không có một chút pháp nào để giác ngộ, có thể giác ngộ. Đó là Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa thông suốt bình đẳng.

Thiên vương nên biết, các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa quán sát pháp khởi đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả và không thấy ngã, không thấy hữu tình cho đến không thấy người biết và người thấy. Tuy hành bố thí mà không có xả bỏ gì cả. Tuy trì tịnh giới nhưng lìa giới tướng. Tuy tu tập an nhẫn nhưng tâm vô tận. Tuy tu tập tinh tấn nhưng lìa tướng ấy. Tuy tu tập tinh lực nhưng không có sự vắng lặng. Tuy tu tập Bát-nhã nhưng không có đối tượng. Tuy tu tập niệm trụ nhưng không chấp chặt. Tuy tu tập chánh đoạn nhưng tâm bình đẳng. Tuy tu tập thần túc nhưng lìa hý luận. Tuy tu tập căn lực nhưng không phân biệt các căn của hữu tình và xa lìa lỗi lầm. Tuy tu tập Giác chỉ nhưng không hề phân biệt. Tuy tu tập các Đạo nhưng không hề dụng công. Tuy tu tập

nhưng không chấp trước, trí tuệ tự nhiên nhớ nghĩ các pháp với tâm trí bình đẳng. Tu tập các điều định mà tâm không phân biệt. Quán sát điều tuệ tâm không dừng nghỉ. Tu tập pháp chỉ mà tâm không có chỗ thấy. Tu tập pháp quán, tâm không có chỗ niệm. Tu tỳ niệm Phật mà tâm thông đạt pháp giới bình đẳng. Tu tỳ niệm Pháp nhưng tâm không có chỗ trụ. Tu tỳ niệm Tăng nhưng bản tâm thanh tịnh, giáo hóa hữu tình không khởi tâm phân biệt. Tâm pháp giới bao trùm tất cả pháp. Tâm như hư không trang nghiêm cõi Phật. Tâm vô sở đắc đạt không sinh nhẫn. Tâm không tiến lùi được không thoái chuyển, xa lìa tướng tâm, không thấy có tướng. Ở trong ba cõi dùng tâm bình đẳng trang nghiêm tòa Bồ-đề. Tâm không có chỗ giác ngộ biết rõ tất cả pháp. Tuy chuyển pháp luân nhưng không thấy người nghe, người thuyết. Tuy thị hiện Niết-bàn nhưng rõ biết bản tánh sinh tử bình đẳng.

Thiên vương nên biết, các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa quán sát các pháp như vậy nhưng không thấy sự quán sát, không thấy có pháp để quán nên được thần thông tự tại. Vì sao? Vì tự tâm vốn thanh tịnh nên thấy tất cả hữu tình thanh tịnh.

Thiên vương nên biết, ví như hư không biến khắp tất cả, các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, tâm lượng cũng như vậy.

Khi thuyết pháp này, ở trong chúng hội có tám vạn bốn ngàn trời, người đều phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột, ba vạn hai ngàn Bồ-tát được Vô sinh pháp nhẫn, tám vạn bốn ngàn hữu tình xa lìa trần cấu sinh Pháp nhẫn thanh tịnh, một vạn hai ngàn Bí-sô diệt sạch các lậu.

Khi ấy Phật bảo Tối Thắng:

–Thiên vương nên biết, các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa được tâm thanh tịnh, thâm sâu như biển cả, phước đức trí tuệ không thể đo lường được, có thể thị hiện ra ở đời nhiều công đức báu để hành dụng cho hữu tình cho đến lúc đạt đến Bồ-đề cũng không khô cạn, phước đức Bồ-tát cũng không giảm bớt, giống như biển cả sinh nhiều châu báu. Trí tuệ Bồ-tát thâm sâu khó vào được, Thanh văn, Độc giác không thể vượt qua. Thí như biển lớn thú nhỏ không vào được. Trí tuệ của Bồ-tát rộng lớn vô biên. Vì sao? Vì không chấp trước, không trú, không sắc, không tướng. Trí tuệ của Bồ-tát từ trước đến sâu dần dần càng thêm sâu rộng, trước tiên là Bồ-đề tâm, về sau là trí Nhất thiết. Pháp của Bồ-tát là vậy, không cùng ở chung với phiền não và bạn ác. Trí tuệ thế gian nếu vào trong biển trí tuệ của Bồ-tát thì chỉ là một tướng, một vị, đó là vô tướng. Đạt đến trí Nhất thiết là vị không phân biệt. Trí tuệ Bồ-tát quán sát tất cả pháp không thấy thêm bớt. Vì sao? Vì đã thông suốt pháp tánh bình đẳng sâu xa. Năng lực đại Từ bi của Bồ-tát không trái với bản nguyện, là chỗ nương dựa của các bậc Thánh, vì chữ hữu tình thuyết pháp trong vô số kiếp không cùng tận.

Này Thiên vương, Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa đạt được pháp tánh thậm thâm như vậy. Này Thiên vương, Bồ-tát thông suốt hoàn toàn pháp tục đế. Tuy nói các sắc nhưng không thật có, tìm cầu sắc ấy rốt cùng chẳng thể nắm bắt được; thọ, tưởng, hành, thức, lại cũng như vậy. Tuy nói địa giới nhưng không thật có, tìm cầu địa giới rốt cùng chẳng thể nắm bắt được; thủy, hỏa, phong, không, thức giới lại cũng như vậy. Tuy nói nhãn xứ nhưng không thật có, tìm cầu nhãn xứ rốt cuộc chẳng thể nắm bắt được; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ lại cũng như vậy. Tuy nói sắc xứ nhưng không thật có, tìm cầu sắc xứ, rốt cuộc chẳng thể nắm bắt được; thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ lại cũng như vậy. Tuy nói ngã nhưng chẳng thật có, tìm cầu ngã ấy rốt cuộc chẳng thể nắm bắt được. Đối với hữu tình cho đến người biết, người thấy lại cũng như vậy. Tuy nói thế gian

nhưng không thật có, tìm cầu thế gian không nắm bắt được. Tuy nói thế pháp nhưng không thật có, tìm cầu thế pháp rốt cuộc chẳng thể nắm bắt được. Tuy nói Phật pháp nhưng không thật có, tìm cầu Phật pháp rốt cuộc chẳng thể nắm bắt được. Tuy nói Bồ-đề nhưng không thật có, tìm cầu Bồ-đề rốt cùng cũng chẳng thể nắm bắt được.

Thiên vương nên biết, hễ có ngôn thuyết gọi là Thế tục đế, đó không phải là chân thật. Nếu không có Thế tục đế thì không thể nói có Thắng nghĩa đế. Bồ-tát thông suốt thì Thế tục đế không trái với Thắng nghĩa đế. Do thông suốt nên biết các pháp không sinh, không diệt, không thành, không hoại, không này, không kia, xa lìa ngôn ngữ văn tự hý luận.

Thiên vương nên biết, ngôn thuyết Thắng nghĩa đế là vắng lặng và xa lìa. Pháp của cảnh giới Thắng trí không hề biến hoại, nếu Phật ra đời hay không ra đời thì tánh tướng vẫn thường trụ. Đó gọi là Bồ-tát thông suốt Thắng nghĩa đế.

Khi ấy, Tối Thắng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, nếu tất cả pháp không sinh, không diệt, tự tánh xa lìa và không tịch thì làm sao có Phật xuất hiện ở thế gian và chuyển pháp luân? Vì sao Bồ-tát đối với pháp không sinh mà thấy có sinh?

Phật bảo Tối Thắng:

–Thiên vương nên biết, vì các pháp không diệt nên không sinh. Vì sao? Vì tánh không biến đổi, chỉ do người thế tục thấy có sinh, có diệt. Đó là sự thấy biết hư vọng, không chân thật. Những Bồ-tát nào bằng phương tiện quyền xảo hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa thì thấy pháp nhân duyên, biết rõ Thế tục đế là không và không sở hữu, không có bền chắc, không có mà dường như có, như huyễn hóa, như ảo mộng, như âm vang, như bóng dáng, như ảo ảnh, như quán năng, như việc biến hóa, như thành Tâm hương, lay động không yên, đều do nhân duyên sinh khởi. Các Bồ-tát này dùng Bát-nhã vi diệu quán sát các pháp không, nói rộng ra cho đến từ nhân duyên sinh khởi. Các Bồ-tát này tư duy: “Các pháp này thấy có sinh, có trụ, có diệt.” Do nhân duyên nào mà sinh? Do nhân duyên nào mà diệt? Tư duy như vậy rồi biết rõ như thật do vô minh sinh các hành, do hành nên sinh thức, nói rộng ra cho đến do hữu nên có sinh. Do sinh nên có lão, do lão có tử và ưu sầu khổ não. Cho nên cần phải tu hành để diệt vô minh. Nếu diệt vô minh thì mười một chi còn lại lần hồi diệt theo như thân đã diệt thì mạng sống đều diệt theo.

Thiên vương nên biết, tà kiến ngoại đạo mong cầu giải thoát chỉ muốn đoạn tử không biết đoạn sinh. Nếu pháp không sinh thì không có diệt. Ví như có người ném hòn đất vào sư tử, sư tử đuổi người mà đất tự dừng. Cũng vậy, Bồ-tát chỉ đoạn sự sinh mà tử tự diệt. Ví như con chó chỉ đuổi theo đất mà không biết đuổi người. Cũng vậy, ngoại đạo không biết đoạn sinh thì không thể lìa tử. Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế thì biết rõ nhân duyên sinh diệt của các pháp.

Thiên vương nên biết, các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa biết pháp duyên sinh không thật có không sở hữu nên không sinh ngã mạn: Sinh nhà giàu sang không khởi hai sự ngã mạn về sự giàu sang và tôn quý, sinh nhà nghèo hèn tự biết nghiệp đời trước không được thanh tịnh, được quả báo thấp kém sinh tâm nhàm chán, nên cầu xuất gia suy nghĩ thế này: “Như thân này của ta có được là do các nghiệp tích tụ mà có, nên càng phải tu tịnh nghiệp để được thanh tịnh và cũng dạy người khác như vậy. Tự cầu độ thoát và độ thoát cho người. Tự cầu xuất ly và mở sự trói buộc cho người. Do nhân duyên nên phát sinh tinh tấn không còn biếng nhác, ác pháp chướng đạo

cần phải đoạn trừ, thiện pháp trợ đạo cần phải tăng trưởng. Cần tu tinh tấn, tư duy thế này: “Ta mang gánh nặng là phải tự diệt tất cả phiền não, độ thoát hữu tình không nên biếng nhác. Thân cận Sư trưởng là các Bồ-tát đối với người hiểu nhiều hay ít, có trí hay không, trì giới hay phá giới đều tưởng như Phật, cung kính như đồng học. Tư duy rằng, nay ta đang nương thầy học tập, tu pháp lành chưa viên mãn cần phải tu cho viên mãn, phiền não chưa diệt, cần phải đoạn diệt, giữ gìn pháp lành, xa lìa pháp ác thành trí Nhất thiết, làm ruộng phước đại Bi thương xót tất cả thế gian phiền não vắng lặng. Bậc Thiên Nhân Sư là Thầy của ta khéo đắc lợi lạc thù thắng. Tất cả trời, người đều thờ Pháp Chủ, Đại Sư. Các Bồ-tát này tư duy: “Phật thuyết tịnh giới là vì thân mạng mà bày ra chứ không được hủy phạm giới.” Thế Tôn đã dạy: “Tùy thuận giáo pháp của Phật tức là cúng dường Phật, Bà-la-môn... vì dùng danh từ Sa-môn nên tưởng như phước điền.” Bồ-tát phải đứng như lý như lượng, tu hành chánh pháp thì hiển hiện công đức Sa-môn, công đức phước điền. Bồ-tát giáo hóa chúng sinh không có dừng nghỉ. Các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế thì thường tùy thuận thế gian, thấy kẻ giận dữ thì phải khiêm nhường, thấy kẻ kiêu mạn thì tưởng vô ngã, thấy kẻ tà vạy thì tưởng chánh trực, thấy kẻ nói cuồng ngôn thì nói như thật. Thấy kẻ nói ác thì dùng lời ái ngữ, thấy kẻ cứng cõi thì thị hiện nhu hòa, thấy kẻ nóng giận thì sinh từ nhẫn, thấy kẻ theo pháp tà thì sinh đại Từ, thấy kẻ khổ não thì sinh lòng đại Bi, thấy kẻ xan tham, tật đố thì hành bố thí. Các Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế, tùy thuận trí thế gian nên được sinh cõi Phật tịnh độ. Vì sao? Vì trì giới không thiếu khuyết, xa lìa tạp uế, tu tâm bình đẳng, ở chỗ hữu tình đầy đủ các căn lành lớn, không đắm trước danh lợi, có đức tin thanh tịnh, không có sự vọng cầu, siêng hành tinh tấn, tu tập không biếng nhác, tu tập các tĩnh lực để xa lìa pháp tán loạn, dùng tuệ vi diệu để học tập đa văn, các căn đầy đủ, trí tuệ thông lợi, thường tu đại Từ để xa lìa giận dữ não hại, nhờ nhân duyên này được sinh về cõi Phật thanh tịnh.

Bấy giờ Tối Thắng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, như lời Phật dạy người tu tập về các pháp trì giới thì được sinh cõi Phật thanh tịnh. Như vậy cần tu đầy đủ các pháp hay chỉ tu một pháp là được sinh ở cõi Phật thanh tịnh.

Phật bảo Tối Thắng:

–Thiên vương nên biết, đối với các pháp ta đã nói ở trước, Bồ-tát nào chỉ tu một hạnh là đầy đủ các pháp, một hạnh như vậy cũng sanh về cõi Phật thanh tịnh. Vì sao? Vì trong mỗi một hạnh đầy đủ các hạnh. Các Bồ-tát này sinh ở cõi Phật thanh tịnh, không bị bào thai làm ô uế. Vì sao? Vì Bồ-tát đã làm tượng Phật, tu sửa vườn Tăng, ở trước nền tháp Phật, thoa đất thơm và đốt hương cúng dường, rải hoa đẹp lóng nền, hoặc dùng nước thơm tưới rửa tượng Phật. Ở trong vườn Tăng tưới nước quét dọn đất bụi, từ tâm cung phụng Cha mẹ, Sư trưởng, thiện hữu đồng học và các Sa-môn. Dùng tâm bình đẳng cung kính cúng dường, đem căn lành này ban cho hữu tình cùng hồi hướng đến quả vị Giác ngộ cao tột, làm cho hữu tình đều được thanh tịnh. Bồ-tát như thế là được ly dục. Vì sao? Vì tâm không chấp trước, không đắm nhiễm theo bè đảng, quay lưng các trần cảnh, xa lìa các ái duyên. Ở trong cảnh dục tâm không ái nhiễm, tu hành như thật giới Phật đã thuyết. Ở trong bốn việc cúng dường, ít muốn vui đủ, thân được vui thú, tâm thường lo sợ, thường hành tịch tĩnh, xa lìa các pháp. Bồ-tát như thế không đắm trước việc thế tục, tức liền được mạng sống thanh tịnh, không giả trang oai nghi, lời nói không khi dối. Nghĩa là trước mặt thí chủ không lừa dối bằng cách hiện bước đi ung dung, nhìn

thẳng phía trước sáu khuỷu tay, không nhìn ngó hai bên, uy nghi tà mạng. Lúc không có thí chủ thì phóng túng, buông lung. Đối với thí chủ thì không vì sự lợi dưỡng. Vì cầu lợi dưỡng nên có thí chủ thì ăn nói ngọt ngào, nhỏ nhẹ, tùy thuận theo ý họ. Lúc không thí chủ thì nói lời thô bỉ, thấy người khác hành bố thí mà trong tâm thật có sự tham muốn, nhưng nói rằng không cần, lúc không được của thì sinh phiền não. Lời nói biểu hiện ít muốn mà tâm tham cầu lợi dưỡng thật nhiều. Các Bồ-tát này không có tướng cầu lợi dưỡng như thế. Nếu thấy thí chủ thì không nói rằng: “Ba y hư rách, đồ dùng thiếu thốn hoặc nói cần thuốc men.” Lại nữa đối với thí chủ không nói rằng: “Thí chủ nào đó hãy cúng cho chúng tôi vật này, có người kia cho rằng: tôi trì giới, học rộng, đại Bi, tinh tấn, tuy khen như thế nhưng tôi không có đức này, tôi chỉ thiên về tu thiện để đền ân thí chủ.” Các Bồ-tát này không nói với hàng bạch y những lời tự khen mình chê người để cầu danh lợi như thế. Nếu thấy thí chủ cúng cho người khác không sinh tâm sân hận, phiền não, không dua nịnh, quanh co để cầu nhận vật đó, không đối trá bằng cách thân thiện để hại người khác mà lấy của ấy, không mong hạ nhục người khác bằng cách giỡn cợt để lấy của. Thí chủ cúng cho người được khen ngợi hoặc người thuyết pháp, hoặc đại chúng, hoặc chưa dự định phân chia, hoặc đã bố thí nhưng chưa hết thì Bồ-tát không bao giờ chen vào trong ấy để nhận phần. Nếu khi nhận tài vật thì không tham đắm, đây là vật của ta, đây là sở hữu của ta, mà phải đem bố thí trở lại cho các Sa-môn khác hoặc Bà-la-môn, Sư tăng, Cha mẹ và các kẻ nghèo cùng thiếu thốn đều được bình đẳng sử dụng. Nếu tài vật hết không lấy làm lo lắng, vài ngày không có thì tâm không khổ não. Các Bồ-tát này thọ nhận vật của người khác cúng dường, hoặc bố thí cho người khác, cả hai việc ấy đều được thanh tịnh. Vì hành thanh tịnh nên tâm không mệt mỏi. Vì sao? Vì lợi ích cho hữu tình đang bị đắm chìm trong biển luân hồi sinh tử nên các Bồ-tát này không nhàm chán. Nếu có việc ma, các khổ bức bách, tâm không bị lui sụp. Nếu người muốn hành Nhị thừa thì vì họ để thuyết pháp không có nề hà mệt nhọc. Bồ-tát tự tu pháp phần Bồ-đề đến rốt cùng cũng không hề nhàm chán. Các Bồ-tát này tinh tấn như thế là thường tùy thuận hành theo chánh giáo của Phật. Vì sao? Vì các Bồ-tát này xa lìa sự buông lung, tâm thường cẩn thận, khéo tự giữ thân, không tạo việc ác; ngữ và ý cũng vậy. Dù sống ở hiện tại mà thương sợ về vị lai, diệt sạch các pháp ác không cho sinh ra nữa. Lời nói thường dựa vào chân lý, thường thuyết đúng giáo pháp, không nói những lời phi pháp. Bỏ nghiệp xấu ác, chuyên tu hành thanh tịnh, không hủy giáo pháp của Phật, xa lìa phiền não và pháp bất tịnh. Đó là hộ trì chánh pháp của Như Lai, diệt sạch các pháp ác, bất thiện. Các Bồ-tát này tùy thuận theo giáo pháp thanh tịnh của Phật, nếu thấy hữu tình thì vui vẻ, mỉm cười, không hề nhăn nhó. Vì sao? Vì tâm đã lìa tạp uế, vẫn đục, các căn thanh tịnh, xa lìa cấu bẩn sân nhuế, tâm không có nội kết oán hận. Bồ-tát như thế tức được đa văn, quán sát sinh tử thường biết như thật về lửa tham, sân, si đốt cháy làm cho con người mê loạn, biết như thật về các pháp hữu vi đều vô thường, tất cả hành là khổ, các pháp là vô ngã. Ở thế gian hữu tình say đắm theo hý luận thì giáo hóa như thật, tất cả pháp chỉ có Niết-bàn là tối thắng tịch tĩnh. Nghe người thuyết pháp thì suy nghĩ nghĩa lý rồi truyền trao cho người, phát đại Từ bi, khởi niệm kiên cố. Nếu không nghe pháp thì không tư, tu, thế nên văn tuệ là gốc của mọi chữ. Tất cả trí tuệ được sinh ra từ đây, đã được đa văn thì hộ trì chánh pháp. Vào thời chánh pháp diệt tận, ở đời vị lai có các hữu tình muốn tu hành mà không gặp chánh pháp, không có người thuyết pháp yếu thâm sâu, thì khi ấy Bồ-tát tuyên dương pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa để cho hữu tình tu giới, định, tuệ. Do đó khen rằng: “Này Thiện nam, vào thời chánh



pháp diệt tận như vậy, người nên phát Bồ-đề tâm cầu Vô thượng giác vì muốn làm lợi lạc cho hữu tình.”

Kinh điển Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế là chỗ sở hành của chư Phật trong ba đời. Nếu người siêng tu hành thì được đại giác ngộ không xa. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật-đa và đại Bồ-đề không rời xa nhau. Như người trồng lúa, cây lúa đã trở bông nên biết kết quả thu hoạch không xa. Cũng vậy, Bồ-tát cầu đại Bồ-đề mà được nghe Bát-nhã ba-la-mật-đa thì chắc chắn Bồ-tát ấy cách Phật không xa. Thiện nam nào... xa lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa lại nương tựa vào các kinh khác mà cầu Vô thượng giác, hoặc có thể chứng đắc thì điều ấy không thể có. Thí như con vua, bỏ vua cha đi đến người khác cầu làm thái tử chắc chắn không thể được. Cũng vậy, Bồ-tát cầu trí Nhất thiết cần nương Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu nương vào kinh khác cầu trí Nhất thiết thì không thể được. Thí như con bò cần bú sữa thì phải nhờ mẹ nó, nếu tới bò khác thì không có sữa. Cũng vậy, Bồ-tát cầu đại Bồ-đề phải nương vào Bát-nhã ba-la-mật-đa, nếu phương pháp khác thì không thể chứng được.

Thiên vương nên biết, các Đại Bồ-tát thân cận Bát-nhã ba-la-mật-đa làm Pháp vương tử, tướng tốt trang nghiêm thân thể, các căn đầy đủ, tu hành pháp Phật đã tu, giác ngộ điều Phật đã giác ngộ, cứu hộ khổ não cho tất cả hữu tình, thông suốt hoàn toàn giáo pháp của Phật đã thuyết, thường tu phạm hạnh, xa lìa sự vẩn đục, ô nhiễm, giữ gìn thành trí Nhất thiết của chư Phật. Đó là Bồ-tát làm Pháp vương tử nên được Đế Thích, Phạm thiên, Hộ thế tôn trọng. Vì sao? Vì hành đạo Bồ-tát được không thoái chuyển trì tất cả ác ma không thể lay động, do đó an trụ Phật pháp, thông suốt tất cả lý không, bình đẳng, không chạy theo duyên ngoài mà an trụ trong trí tuệ Phật pháp, không cùng ở chung với Thanh văn, Độc giác... vượt khỏi thế gian, trụ không sinh nhẫn. Bồ-tát biết như thật các phẩm thượng, trung, hạ khác nhau về tham, sân, si của hữu tình, biết rõ như thật phẩm loại khác nhau về tâm thiện, tâm kiên cố của hữu tình. Khi biết như thật rồi tùy theo mỗi một hữu tình để nói pháp đối trị như vậy có thể khéo giáo hóa loài hữu tình. Hữu tình nào muốn thấy thân Phật để được độ thoát, thì Bồ-tát hiện thân Phật mà vì họ thuyết pháp, nếu muốn thấy thân Bồ-tát để được độ thoát thì Bồ-tát hiện thân Bồ-tát vì họ thuyết pháp. Nếu muốn thấy thân Độc giác để được độ thoát, thì Bồ-tát hiện thân Độc giác để vì họ thuyết pháp. Nếu muốn thấy thân Thanh văn để độ thoát, thì Bồ-tát hiện thân Thanh văn để vì họ thuyết pháp. Nếu muốn thấy thân Đế Thích, Phạm thiên, Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Trưởng giả, Cư sĩ... để được độ thoát thì Bồ-tát đều hiện các thân ấy vì họ để thuyết pháp. Bồ-tát bằng phương tiện quyền xảo hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế giáo hóa, độ thoát hữu tình. Các Bồ-tát này tâm tánh từ hòa, chánh trực, uyển chuyển không có tâm cấu uế, dua nịnh, ganh ghét, tâm thường thanh tịnh, không nói lời thô ác, hành hạnh nhẫn nhục, gần gũi hữu tình. Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa như thế thì ở trú xứ ấy được an ổn. Vì sao? Vì Bồ-tát đầy đủ chánh kiến và thanh tịnh kiến, thanh tịnh hạnh, tâm và cảnh giới sở hành luôn tương ứng với nhau. Nếu tâm trái với pháp ác, bất thiện và cảnh giới uế ác thì Bồ-tát không hành. Các Bồ-tát này thấy người đồng học hết lòng hoan hỷ, hoặc của cải hoặc pháp đạo đều thọ dụng chung để hành Phật đạo, chỉ có Phật là Thầy. Bồ-tát như thế thì được tự tại an lạc, đầy đủ nhiếp pháp để nhiếp thọ hữu tình. Vì lợi ích nhiếp phục hữu tình nên Bồ-tát bố thí lợi ích, bố thí an lạc hoặc bố thí tất cả, hoặc dùng lời lợi ích hoặc lời có nghĩa, hoặc lời đúng pháp, hoặc những lời tương tự để nhiếp phục hữu tình, đem của để lợi ích bình đẳng hoặc đem thân để lợi ích bình đẳng, hoặc đem mạng để lợi ích bình đẳng, hoặc

đem vật dụng để lợi ích bình đẳng.

Thiên vương nên biết, bố thí lợi ích tức là pháp thí, bố thí an vui tức là tài thí, bố thí vô tận là chỉ dạy chánh đạo. Lời nói lợi ích là làm cho pháp lành phát sinh; lời nói có nghĩa là khiến cho thấy chánh lý; lời nói như pháp là tùy thuận giáo pháp của Phật; lời nói chẳng sai khác thì thuyết pháp như thật. Dùng của để lợi ích bình đẳng là việc ăn uống, y phục...; dùng thân để lợi ích bình đẳng là như sự bảo vệ và làm lợi ích cho thân mình và kẻ khác cũng được như vậy; dùng mạng để lợi ích bình đẳng là các thứ trân bảo ngoài mạng sống; vật dụng lợi ích bình đẳng là voi, ngựa... tất cả tịnh tài. Đó là các Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa, tự mình làm và đem cho người đều được bình đẳng.

Các Bồ-tát này sinh ra với thân hình đoạn chánh, siêng năng tu tập, oai nghi tịch tĩnh, oai nghi không dối trá, oai nghi thanh tịnh, mọi người đều muốn nhìn, trong ngoài đều thiện, người xem không chán, làm vui lòng người, tất cả hữu tình đều yêu mến, tôn trọng. Ai được nhìn thấy đều phát thiện tâm, người sân hận thấy thì tâm hòa giải. Các Bồ-tát này đoạn chánh như thế thì có thể làm chỗ nương tựa, bình đẳng bảo hộ cho hữu tình diệt sạch phiền não, có thể hướng dẫn hữu tình xa lìa sinh tử vô biên, độ thoát vô biên hữu tình vượt qua hiểm nạn của thế gian, làm bạn thân với kẻ không quyến thuộc, làm thầy thuốc hay với kẻ bị bệnh phiền não, làm kẻ cứu hộ người không được cứu hộ, làm chỗ nương tựa cho người không có chỗ nương tựa, làm ngọn đuốc pháp cho người không ánh sáng. Bồ-tát như thế làm chỗ nương tựa cho các hữu tình để chữa trị các bệnh, như vua các loài thảo dược tên là Thiện kiến, thân cây, gốc rễ, cành lá, hoa, quả, sắc hương, mùi vị đều chữa lành bệnh. Cũng vậy các Đại Bồ-tát này từ lúc mới phát tâm cho đến cứu cánh thường chữa lành bệnh phiền não cho hữu tình. Bồ-tát có nhiều phước đức trí tuệ nên các cõi thấy nghe đều được lành bệnh. Đó là Bồ-tát có công đức tương ứng tùy theo năng lực để làm việc cúng dường Tam bảo, người có tật bệnh thì bố thí thuốc men, người đói khát thì bố thí đồ ăn uống, người lạnh rét thì bố thí y phục, hết lòng kính thờ các vị Thân giáo sư, Quĩ phạm sư, cung kính chào hỏi người đồng học, đồng giới pháp, tạo lập trú xứ tăng, cấp thí ruộng vườn, tùy theo tài vật của mình mà luôn luôn bố thí, đối xử như pháp đối với tôi tớ. Nếu nghe Phạm chí, Sa-môn nào có danh đức, tu chánh hạnh thì thường gần gũi để học hỏi. Các Bồ-tát này thường phát sinh hạnh lành, đầy đủ phương tiện thiện xảo để giáo hóa, cứu độ hữu tình. Vẫn ở yên nơi quốc độ Phật này mà thân chẳng động nhưng lại đến vô biên quốc độ khác để hỏi chánh pháp, thị hiện cúng dường vô biên Như Lai, hoặc thị hiện tu tập pháp phần Bồ-đề hoặc thị hiện cúng dường vị Phật mới thành, hoặc thị hiện thân mình thành Đẳng chánh giác, hoặc vì chúng thị hiện chuyển pháp luân vì diệu, hoặc thị hiện Niết-bàn làm việc lợi ích lớn. Người đáng độ, thị hiện thân hóa độ, làm cho người thấy được lợi lạc. Tuy làm các việc Phật sự như thế mà chẳng tác ý, chẳng phân biệt.

Khi ấy, Tối Thắng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, tại sao các Bồ-tát làm các việc biến hóa này mà tâm không phân biệt?

Phật dạy:

–Này Thiên vương, ví như mặt trời mặt trăng chiếu soi khắp tất cả mà không có phân biệt. Ta phát ánh sáng và chiếu đến chỗ nào thì các loài hữu tình tùy theo nghiệp lực của mình để cảm nhận ánh sáng mặt trời, mặt trăng chiếu soi ngày đêm các Bồ-tát này lại cũng như vậy. Các Bồ-tát này tuy hiện hóa thân mà không hề phân biệt. Vì sao?

Vì các hữu tình đều có nghiệp lành đời trước. Xưa kia, Bồ-tát phát nguyện độ hữu tình, do sức thệ nguyện này và tùy theo ý niệm của họ liền hóa hiện thân nên không có phân biệt. Các Bồ-tát này dùng phương tiện quyền xảo thường làm những việc làm như vậy để giáo hóa hữu tình mau chóng hưởng đến quả vị Giác ngộ cao tột. Vì sao? Vì các Bồ-tát này bố thí viên mãn, trì giới thanh tịnh, không bị rỉ lậu khiếm khuyết, giới phẩm thanh tịnh vượt hẳn hàng Thanh văn, Độc giác... đầy đủ An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lực, Bát-nhã, hoặc phương tiện thiện xảo, diệu nguyện, lực, trí và các công đức bất cộng của Phật, vì vượt lên trên địa vị Thanh văn, Độc giác.

Thiên vương nên biết, Bồ-tát Sơ địa cho đến Thập địa hành Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa tu tập các hạnh như thế thì có thể chứng được quả vị Giác ngộ cao tột.

Khi thuyết pháp này có hai vạn Thiên tử xa lìa trần cấu, xuất sinh Pháp nhãn thanh tịnh, ba vạn Bồ-tát đắc không sinh nhẫn, tám vạn bốn ngàn trời, người đều phát tâm cầu quả vị Giác ngộ cao tột. Vô lượng trăm ngàn Càn-thát-bà và Khẩn-na-la nhiều quanh núi Thửu phong đều hoan hỷ chấp tay tán thán Như Lai. Vô lượng trăm ngàn các chúng Dược-xoa vui mừng chấp tay nhiều quanh núi Thửu phong, mưa nhiều loại hoa vi diệu để cúng dường chư Phật ở mười phương, vô lượng hằng hà sa thế giới chư Phật đều có vô lượng Bồ-tát đến tán thán: “Đức Như Lai Thế Tôn vì các Bồ-tát khéo thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa. Nhờ Bát-nhã ba-la-mật-đa mà trời, người được bốn hưởng, bốn quả cùng đạo Độc giác và quả Bồ-đề. Cũng có mười địa của Bồ-tát, mười độ, mười lực của Như Lai, bốn điều không sợ, bốn sự hiểu biết thông suốt, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, mười tám pháp Phật bất cộng, trí Nhất thiết tướng, trí Nhất thiết... và vô biên Phật pháp đều nhờ Bát-nhã ba-la-mật-đa mà được thành tựu. Như các việc thế gian đều nương nhờ hư không mà hư không không có chỗ nương, Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng vậy, vì gốc của các pháp chính nó cũng không có chỗ nương. Nguyện cho chúng tôi ở đời vị lai vì các Đại Bồ-tát mà tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa như Thế Tôn đang tuyên thuyết ngày nay không sai khác.” Nói như vậy rồi cung kính cầm nhiều hương hoa rải lên Như Lai và chúng hội. Khi ấy có vô lượng Thiên thần và các chúng hội khác đang ở núi Thửu phong, ở giữa hư không tán thán: “Hy hữu Thế Tôn! Chúng con nhớ là đã có vô lượng chư Phật đến núi Thửu phong này vì Đại chúng mà tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa như ngày hôm nay không khác.

Bấy giờ, Tối Thắng bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Thiên thần ở giữa không trung có trí tuệ biết được sự sai khác xưa sau của cảnh giới chư Phật, mà nói rằng có vô lượng chư Phật đã từng tuyên thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa cho chúng hội này.

Phật dạy:

–Này Thiên vương, chúng Thiên thần đây đều là Bồ-tát an trụ cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn giải thoát cho nên biết được sự sai khác gần xa của cảnh giới chư Phật trong quá khứ.

Này Thiên vương, xưa kia, Ta còn làm Bồ-tát đã từng sinh trong cảnh giới Thiên thần ấy, thấy vô lượng chư Phật chứng đắc quả vị Giác ngộ cao tột đã vì chúng hội tuyên thuyết diệu pháp cho đến lúc nhập Niết-bàn, Ta thường chấp tay kính lễ tán thán. Vì sao? Vì tuổi thọ của cảnh giới Thiên thần kia dài lâu nên thấy nghe vô biên sự việc gần xa trong quá khứ.

Bấy giờ trong chúng có một Thiên tử tên là Quang Đức rời tòa đứng dậy lệnh áo che vai trái, gối phải chাম đất chấp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, chư Phật, Bồ-tát lẽ ra là ở cõi Tịnh độ. Tại sao Thế Tôn xuất hiện ở thế giới Kham nhẫn đầy đầy ô uế xấu ác này?

Phật dạy:

–Này Quang Đức, Thiên tử nên biết chỗ ở của Như Lai đều không có tạp uế tức tịnh độ, ở đó Như Lai dùng thần thông lực làm cho mặt đất của thế giới ba lần ngàn bằng phẳng như bàn tay và đều do lưu ly tạo thành, không có núi gò, núi đồi nhấp nhô. Nơi đều có nhiều báu, hương hoa, cỏ mềm, suối hồ với nước tám công đức, thêm bát bằng bảy báu, cỏ cây, hoa, quả đều thuyết pháp luân không thoái chuyển của Bồ-tát, không có pháp Thanh văn, Độc giác phàm phu. Tuy có mười phương đến mà không nghe tiếng gì khác, chỉ nghe thuyết pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa. Khắp nơi hoa sen nở lớn như bánh xe với đầy đủ màu sắc xanh, vàng, đỏ, tím và các báu trang nghiêm. Trong các đài hoa đều có các Bồ-tát ngồi kiết già, tư duy về Đại thừa, thấy các Như Lai ở giữa chúng hội vì chúng Bồ-tát thuyết pháp sâu xa, vô lượng trăm ngàn Đế Thích, Phạm vương, Hộ thế cung kính, cúng dường vây quanh khen ngợi.

Bấy giờ Quang Đức thấy việc như vậy rồi vui mừng hơn hởi, tán thán Phật rằng:

–Hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Hy hữu thay, bạch Thiện Thế! Pháp Như Lai đã thuyết chân thật không hư dối, chỗ ở của Như Lai đều không tạp uế tức là tịnh độ như Phật đã thuyết không có hai nghĩa, hữu tình phước mỏng thấy tịnh thành uế.

Bạch Thế Tôn, thiện nam, thiện nữ nào được nghe công đức danh tự Bát-nhã ba-la-mật-đa thì đó là điều rất hy hữu huống gì là siêng năng biên chép, đọc tụng, thọ trì và vì người khác mà giảng thuyết.

Phật bảo Quang Đức:

–Thiên tử nên biết, nếu thiện nam, thiện nữ nào ở trong vô lượng đại kiếp đem tâm vô ngại bố thí vô số tài vật cho các hữu tình và có thiện nam, thiện nữ nào dùng tín tâm thanh tịnh biên chép kinh này rồi truyền trao cho người khác thì công đức này nhiều hơn so với người làm việc trước. Vì sao? Vì của thí chỉ trừ đói khát còn pháp thí thì không cùng. Vì sao vậy? Vì tài thí chỉ được quả báo ở thế gian, quả vui của trời, người nhưng được rồi lại mất, nay tuy tạm được mà sau chắc chắn sẽ tan mất. Nếu dùng pháp thí thì được điều chưa từng được, đó là Niết-bàn chắc chắn không lui mất. Giả như có người giáo hóa hữu tình trong ba ngàn thế giới đều tu tập theo mười nẻo nghiệp thiện, hoặc có thiện nam, thiện nữ dùng tín tâm thanh tịnh thọ trì đọc tụng Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa rồi giảng thuyết cho người khác thì được vô lượng, vô biên công đức vượt hơn người trước. Vì sao? Vì tất cả thiện pháp đều được sinh ra từ Bát-nhã ba-la-mật-đa. Giả như có người giáo hóa hữu tình trong thế giới ba lần ngàn đều được chứng đắc bốn hưởng, bốn quả, Độc giác, Bồ-đề, hoặc có thiện nam, thiện nữ dùng tín tâm thanh tịnh thọ trì, đọc tụng biên chép Bát-nhã ba-la-mật-đa thì công đức này vượt hơn người trước vô lượng, vô biên. Vì sao? Vì Thanh văn, Độc giác đều từ Bát-nhã ba-la-mật-đa sinh ra. Nhờ Bát-nhã ba-la-mật-đa này mà có Phật xuất thế. Cho nên Bát-nhã ba-la-mật-đa ở chỗ nào thì biết chỗ ấy là tòa Bồ-đề vi diệu là chỗ Như Lai chuyển pháp luân. Thiện nam, nên nhớ nghĩ chỗ ấy thường có Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Vì sao? Vì tất cả chư Phật đều do Bát-nhã ba-la-mật-đa sinh ra. Người nào cúng dường hình tượng Như Lai thì được công đức không bằng công đức cúng dường Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì ba đời chư Phật đều nhờ Bát-nhã ba-la-mật-đa mà có.

